UBND HUYỆN IA H'DRAI **BAN CHỈ ĐẠO PCGD, XMC XÂY DỰNG XHHT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06 /BC-BCĐ	*Ia H'Drai, ngày 11 tháng 01 năm 2024*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022, 2023 và phương hướng thực hiện công tác PCGD-XMC trong năm 2024 và 2025

Thực hiện Kế hoạch số 171/KH-SGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tổ chức Hội nghị công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024;

Căn cứ kết quả kiểm tra phổ cập giáo dục - xóa mù chữ (PCGD- XMC) năm 2023 (2022); Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 24/6/2022 của UBND huyện Ia H'Drai về kế hoạch phổ cập giáo dục, xoá mù chữ trên địa bàn huyện Ia H'Drai giai đoạn 2022-2025;

Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ - Xây dựng Xã hội học tập huyện Ia H'Drai báo cáo kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2023 (2022) và phương hướng thực hiện công tác PCGD-XMC trong năm 2024 và 2025 với các nội dung, cụ thể như sau:

PHẦN I
BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

1. Công tác phổ cập giáo dục

1.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp: 297/297 trẻ em, đạt tỷ lệ 100%.

- Huy động trẻ 5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 1/1 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Trẻ em người dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt 199/199 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Trẻ em được chăm sóc, giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non: 297/297 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

- Trẻ em 3-5 tuổi được hưởng chế độ chính sách theo quy định: 668 trẻ thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách (Trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi là 169 trẻ).

- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non (Năm học 2021-2022): 279/279 trẻ, đạt tỷ lệ 100%.

**** Kết quả: Đạt chuẩn PCGD Mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2023 (2022).***

1.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Trẻ 6 tuổi vào lớp 1: Số lượng: 279/279 đạt tỉ lệ: 100%.

- Trẻ 11 tuổi HTCTTH: Số lượng: 205/216 đạt tỉ lệ: 94,91%.

- Trẻ 11 tuổi đang học TH: Số lượng: 11/216 đạt tỉ lệ: 5,09%.

- Trẻ đến 14 tuổi HTCTTH: Số lượng: 759/779 đạt tỉ lệ: 97,43%.

- Số lượng trẻ khuyết tật được tiếp cận với giáo dục: 16/16, đạt tỉ lệ: 100% *(không có trẻ bỏ học).*

**** Kết quả: Đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 3 năm 2023 (2022).***

1.3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập năm học 2022-2023: 463; tốt nghiệp THCS năm học 2022-2023: 145, đạt tỷ lệ 99,32%;

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đã và đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 346, chiếm tỷ lệ 74,73%.

- Số lớp PCGD THCS: 0 (không có).

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11 -18 tuổi trên địa bàn: 04, số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 04; Tỉ lệ: 100%.

**** Kết quả: Số xã được công nhận đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2: 02/03 xã, tỷ lệ 66.7%; Số xã được công nhận đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3: 01/03 xã, tỷ lệ 33.3%;***

2. Công tác xóa mù chữ

2.1. Công tác triển khai

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của các cấp[1], hằng năm, Ban chỉ đạo PCGD, XMC - Xây dựng XHHT huyện đã tham mưu UBND huyện và chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện[2]. UBND huyện đã tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo đầy đủ phòng học và đầu tư trang bị cơ sở

---

[1] Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Kế hoạch số 3418/KH-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030"; Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ - Xây dựng xã hội học tập tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030; Công văn số 1670/SGDĐT-GDTrH ngày 23/9/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm học 2021-2022.

[2] Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn huyện Ia H'Drai giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 18/1/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ - Xây dựng xã hội học tập huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 27/QĐ-BCĐ ngày 22/2/2022 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ - Xây dựng xã hội học tập huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2030; Quyết định 14/QĐ-BCĐ ngày 09/02/2023 của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ về việc thành lập Đoàn kiểm tra công nhận kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022 tại các xã trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

vật chất theo lộ trình trường chuẩn quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới; Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đã thực hiện tốt công tác tham mưu cho Ban chỉ đạo cấp huyện; các ban chỉ đạo cấp xã đã phối hợp với các đơn vị trường học, các đoàn thể địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, huy động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số đảm bảo theo kế hoạch.

2.2. Kết quả xóa mù chữ

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: 1068 trong đó:

- Số người biết chữ mức độ 1: 1060/1068, tỷ lệ 99.25%;

- Số người biết chữ mức độ 2: 1060/1068, tỷ lệ 99.25%;

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: 4324 trong đó:

+ Số người biết chữ mức độ 1: 4308/**4324**, tỷ lệ 99.63%;

+ Số người biết chữ mức độ 2: 4306/**4324**, tỷ lệ 99.58%;

Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: 7438 trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 40145/41596, tỷ lệ 96,51% (38051/39962, tỷ lệ 95,2%);

+ Số người biết chữ mức độ 1: 7402/**7438**, tỷ lệ 99.52%;

+ Số người biết chữ mức độ 2: 7375/**7438**, tỷ lệ 99.15%;

**** Kết quả: Đạt chuẩn XMC mức độ 2 năm 2023 (2022)***

3. Điều kiện đảm bảo

3.1. Cơ sở vật chất

3.1.1. PCGD (Mầm non, Tiểu học, THCS):

Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo cho việc huy động trẻ ra lớp và thuận tiện cho việc đưa đón trẻ: 100% điểm trường có đường giao thông đi lại thuận tiện, đã được bê tông hóa. Lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, các điểm trường có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn, có sân chơi ngoài trời và đồ chơi đảm bảo được sử dụng thường xuyên, điểm trường có đủ công trình vệ sinh đạt yêu cầu, sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh.

Các trường Tiểu học - THCS: phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi. Các đơn vị có đủ phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học... Các trường có đủ sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

3.2. Kinh phí

3.2.1. Kinh phí XMC (Kinh phí cho người dạy, người học)

- Kinh phí cho các lớp xóa mù chữ thực hiện theo Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030"; Nghị quyết 58/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Hướng dẫn số 825/SGD ĐT- KHTC ngày 08/05/2023 hướng dẫn các khoản chi để thực hiện các lớp xóa mù chữ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ủy ban nhân dân huyện phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giao cho Phòng GDĐT hỗ trợ các đơn vị có mở lớp xoá mù chữ (thực hiện Tiểu dự án 1 – Dự án 5, Năm 2023: 35 triệu đồng).

3.3. Đội ngũ giáo viên

3.3.1. Mầm non (Năm học 2022-2023)

- Có 76/76 giáo viên hợp đồng lao động được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành, đạt tỷ lệ 100%;

- Có 28 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi/23 lớp mẫu giáo năm tuổi (đạt tỷ lệ 1,2 giáo viên/lớp), trong đó:

+ 03 lớp mẫu giáo 5 tuổi có dưới 16 cháu/lớp được bố trí 01 giáo viên/lớp.

+ 04 lớp mẫu giáo 5 tuổi có dưới 16 cháu/lớp được bố trí 06 giáo viên (Trường MN 4-3 thuộc Binh đoàn 15).

+ Lớp mẫu giáo 5 tuổi có trên 16 cháu: 16 lớp/19 giáo viên

- Có 28/28 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn trở lên về trình độ đào tạo theo quy định, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 17/28 giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, đạt tỷ lệ 60,7%;

- Có 28/28 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018, đạt tỷ lệ 100%.

- Số lượng người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại xã: 01 người/1 trường, cấp huyện có 01 người.

3.3.2. Tiểu học (Năm học 2022-2023)

- Tổng số giáo viên (kể cả Tổng phụ trách): 76, trong đó 01 giáo viên tăng cường).

- Tỷ lệ GV/lớp: 76 GV/59 lớp, đạt tỷ lệ: 1,29 GV/lớp.

- Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019: 68/76 người, tỉ lệ 89,47%.

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định 76/76 người, đạt tỷ lệ 100%.

- Số lượng người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại xã: 01 người/1 trường, cấp huyện có 01 người.

3.3.3. THCS (Năm học 2022-2023)

- Tổng số giáo viên: 47, trong đó giáo viên kiêm nhiệm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng: 0.

- Tỷ lệ GV/lớp: 47 GV/22 lớp, đạt tỷ lệ: 2,13

- Giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019: 35/47, đạt tỉ lệ: 74,47 %

- Số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp GV THCS theo quy định 47/47, đạt tỉ lệ:100%

- Số lượng người theo dõi công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại xã: 01 người/1 trường, cấp huyện có 01 người.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung kết quả PCGD, XMC của huyện Ia H'Drai đã từng bước được nâng lên, các chỉ tiêu năm sau đều đạt và vượt so với năm trước, cụ thể:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì giữ vững, đội ngũ giáo viên cơ bản đảm bảo, cơ sở vật chất (phòng học, đồ chơi trong lớp và ngoài trời, công trình vệ sinh,...) được tu bổ, sửa chữa thường xuyên.

- Phổ cập giáo dục tiểu học, công tác huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 được giữ vững, có 3/3 xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 đạt tỷ lệ 100%.

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở được duy trì và nâng cao, có 2/3 xã đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2 đạt tỷ lệ 66.7%; 01/03 xã đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3 đạt tỷ lệ 33.3%.

- Hằng năm ngành giáo dục đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, nhân dân trên địa bàn huyện trong việc triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ của công tác PCGD, XMC phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng xã trên địa bàn huyện. Các đơn đã rà soát số học viên 15-60 tuổi thuộc diện phổ cập xóa mù chữ, đã tiến hành xây dựng kế hoạch mở lớp xoá mù chữ giai đoạn 1 (Năm 2023, mở được 03 lớp với 70 học viên do Trung tâm học tập Cộng đồng xã Ia Tơi, xã Ia Đal tổ chức).

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC các xã đã chỉ đạo các đơn vị trường học thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương kịp thời nắm bắt hoàn cảnh của từng học sinh, từ đó có giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các em đến trường. Sự liên kết này là một trong những yếu tố

quan trọng để duy trì sĩ số và giảm được tình trạng học sinh bỏ học.

- Các xã thiết lập, cập nhật đầy đủ thông tin vào các loại hồ sơ theo quy định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên phụ trách công tác PCGD, XMC trên địa bàn huyện sử dụng tốt Hệ thống thông tin PCGD, XMC của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào việc thống kê điều tra hiện trạng giáo dục, giúp cho việc quản lý hồ sơ và tổng hợp số liệu PCGD, XMC đảm bảo tính chính xác và tiết kiệm được thời gian.

2. Hạn chế

- Tỷ lệ huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi được duy trì, tỉ lệ các xã đạt chuẩn PCGDTH, PCGDTHCS được nâng cao nhưng tỷ lệ người mù chữ còn khá cao.

- Giáo viên ở các cấp học đã được tuyển dụng bổ sung hằng năm nhưng vẫn còn thiếu so với quy định.

- Học sinh trong độ tuổi đi học vẫn còn nghỉ học, bỏ học hằng năm; học viên lớp xóa mù chữ đi học chưa thường xuyên, nhất là thời điểm mùa vụ.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCGD-XMC TRONG NĂM 2024 VÀ 2025

I .MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ ở 3/3 xã; nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và xoá mù chữ cho người lớn tuổi độ tuổi từ 15-60 tuổi, nhằm hoàn thành mục tiêu đến các năm tiếp theo toàn huyện được duy trì và nâng cao đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, PCGDTH, PCGDTHCS, XMC.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ dùng đồ chơi ngoài trời, bố trí đội ngũ giáo viên đảm bảo tỉ lệ giáo viên/lớp theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Duy trì 100% xã đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 100%.

- Tỉ lệ trẻ học 2 buổi trên ngày: 100%.

- Tỉ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 100%.

- Tỉ lệ trẻ 3-5 tuổi ra lớp: 100%.

- Tỉ lệ trẻ 0-2 tuổi ra lớp: 69%.

- Tỉ lệ trẻ từ 0-5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 100%.

b) Đối với PCGD Tiểu học

- Duy trì 100% xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

- Tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100%.

- Tỉ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 100%.

- Tỉ lệ trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 100%.

- Tỉ lệ trẻ 6-14 tuổi KT có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 98%.

c) Đối với PCGD Trung học cơ sở

- 100% xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3;

- Tỉ lệ thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: 95,0%;

- Tỉ lệ trẻ từ 11-18 tuổi KT có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 90%.

d) Đối với xóa mù chữ

- Duy trì 100% xã đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

- Tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ mức độ 1: 100%.

- Tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ mức độ 1: 100%.

- Tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ mức độ 1: 98,5%.

- Tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ mức độ 2: 100%.

- Tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ mức độ 2: 100%.

- Tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ mức độ 2: 96,5%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về công tác PCGD, XMC

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp, các ngành và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của PCGD, XMC trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực, xem công tác PCGD, XMC là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các lực lượng xã hội, các địa phương với ngành giáo dục và đào tạo để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ PCGD, XMC.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tiếp tục củng cố vững chắc, nâng chuẩn PCGD, XMC

- Các cơ sở giáo dục cần tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; triển khai, thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018; tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát huy hiệu quả các thiết bị dạy học hiện có, đẩy mạnh việc tự làm thiết bị dạy học và học liệu số; tăng cường

phụ đạo, giúp đỡ học sinh học yếu, kém; tổ chức đa dạng, phù hợp và hiệu quả các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường; tăng cường giáo dục kỹ năng sống.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục học sinh, vận động học sinh bỏ học ra lớp, học sinh hoàn thành chương trình bậc học tham gia học tập ở bậc học tiếp theo, thực hiện tốt việc duy trì sĩ số học sinh.

- Huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi ra lớp, người mù chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 ra học các lớp XMC, trong đó đặc biệt quan tâm đến người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của nhà nước đối với học sinh, nhà giáo.

- Vận động cha mẹ học sinh, nhất là cha mẹ học sinh DTTS quan tâm huy động học sinh ra lớp, duy trì chuyên cần của học sinh, sử dụng có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của nhà nước, góp phần duy trì các mô hình bán trú dân nuôi nhằm huy động học sinh chuyên cần.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS theo hướng tăng tỷ lệ học sinh vào học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tăng cường tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, về vai trò, vị trí của giáo dục nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập... để người lao động nông thôn biết và tích cực tham gia học nghề.

- Phát huy vai trò của Trung tâm học tập cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, đồng thời huy động các nguồn lực của địa phương cùng với nguồn lực hỗ trợ của Trung ương để thực hiện công tác PCGD, XMC đạt mục tiêu đề ra.

3. Tăng cường các điều kiện bảo đảm cho thực hiện PCGD, XMC

- Tiếp tục quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các trường, điểm trường, quy mô lớp học cho phù hợp; bảo đảm thuận lợi cho việc đầu tư cơ sở vật chất, công tác quản lý, tập trung nâng cao chất lượng; đảm bảo đáp ứng đủ phòng học an toàn, công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, bếp ăn,... cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo hướng kiên cố hóa theo các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy, học; thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc đầu tư, công tác quản lý, sử dụng thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục.

4. Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng và việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC lồng ghép thông qua các đợt kiểm tra chuyên môn từng cấp học.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý PCGD, XMC để cập nhật, lưu giữ, quản lý, khai thác thông tin (http://pcgd.moet.gov.vn); thực hiện nghiêm túc quy trình điều tra, nhập dữ liệu đảm bảo chính xác, đúng thời gian.

- Nâng cao trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc điều tra thông tin hộ gia đình, tổng hợp dữ liệu, lập hồ sơ và tự kiểm tra kết quả PCGD, XMC của các đơn vị.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC năm 2023 (2022) và phương hướng thực hiện công tác PCGD-XMC trong năm 2024 và 2025 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ - Xây dựng Xã hội học tập huyện Ia H'Drai. Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND huyện;
- Trưởng BCĐ PCGD, XMC huyện;
- Các thành viên trong BCĐ PCGD, XMC huyện;
- BCĐ PCGD, XMC các xã trên địa bàn huyện;
- Các đơn vị trường học trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT, PGDĐT.

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Tiến Dũng